

**BỘ TIÊU CHUẨN
QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**



VFCS/PEFC ST 1003:2019

Văn phòng chứng chỉ rừng
Phòng 309, Tòa nhà A9, Số 2, Ngọc Hà
Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 38438792; Fax: +84 38438793
Email: vanphongvfco@gmail.com
Web: www.vfcs.vnforest.gov.vn

Thông tin bản quyền
© VFCS/PEFC 2019

Tài liệu này thuộc bản quyền của Hệ thống cấp chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS). Có thể truy cập miễn phí tài liệu này tại trang web của Tổng cục Lâm nghiệp hoặc liên hệ trực tiếp Văn phòng Chứng chỉ rừng.

Tất cả các phần trong tài liệu này đều được bảo vệ bản quyền; nghiêm cấm thay đổi; chỉnh sửa; hay tái xuất bản dưới mọi hình thức hay phương tiện nào vì mục đích thương mại mà chưa được sự cho phép từ Văn phòng Chứng chỉ rừng.

Tên tài liệu: Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững
Mã tài liệu: VFCS/PEFC ST 1003:2019
Phê duyệt bởi: Văn phòng Chứng chỉ rừng
Ngày ban hành: 6/9/2019
Ngày có hiệu lực: 6/9/2019

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	4
II. CĂN CỨ BAN HÀNH.....	5
III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG	5
IV. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ	6
V. CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	22

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CCR	Chứng chỉ rừng
CRN	Chủ rừng nhỏ
FSC	Hội đồng quản trị rừng
HTX	Hợp tác xã
KHLN	Khoa học lâm nghiệp
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NT	Nguyên tắc
NWG	Tổ công tác quốc gia về QLRBV và CCR
PEFC	Chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
SFMI	Viện Quản lý Rừng Bền vững và Chứng chỉ Rừng
TCLN	Tổng cục Lâm nghiệp
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững được Văn phòng chứng chỉ rừng (VFCS) xây dựng và ban hành, nhằm thúc đẩy quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng ở Việt Nam. Bộ tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về quản lý rừng bền vững (QLRBV) mà các chủ rừng phải thực hiện để được cấp chứng chỉ QLRBV theo Hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS). Bộ tiêu chuẩn cũng là cơ sở để các Tổ chức chứng nhận sử dụng để đánh giá và cấp chứng chỉ theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

Quá trình xây dựng bộ tiêu chuẩn tuân thủ theo nguyên tắc xây dựng độc lập, có sự tham gia của các bên liên quan một cách công khai, minh bạch và có sự đồng thuận của các bên tham gia. Các bước xây dựng và ban hành Bộ tiêu chuẩn tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam và Quy trình xây dựng tiêu chuẩn do Tổng cục Lâm nghiệp phê duyệt và dựa trên các yêu cầu trong Quy trình xây dựng tiêu chuẩn của Chương trình Chứng nhận chứng chỉ rừng PEFC (PEFC ST 1001:2010) để được chấp nhận rộng rãi cả trong nước và quốc tế. Bộ tiêu chuẩn được xây dựng qua 2 giai đoạn chính:

(1) Xây dựng bộ nguyên tắc QLRBV của Việt Nam (1998-2014): Xây dựng bộ Nguyên tắc QLRBV của Việt Nam dựa trên bộ tiêu chuẩn QLRBV của FSC do Tổ công tác quốc gia về QLRBV và chứng chỉ rừng xây dựng, sau đó Tổng cục Lâm nghiệp thành lập Tổ soạn thảo để rà soát, chỉnh sửa và ban hành trong Thông tư 38/2014/TT-BNNPTNT.

(2) Xây dựng bộ tiêu chuẩn QLRBV của VFCS (2016-2018): Rà soát, chỉnh sửa Bộ Nguyên tắc QLRBV đã được ban hành trong Thông tư 38/2014/TT-BNNPTNT, hài hòa với những yêu cầu trong Bộ tiêu chuẩn QLRBV của PEFC và các yêu cầu của định nghĩa gỗ hợp pháp trong Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS), được ban hành trong Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT.

II. CĂN CỨ BAN HÀNH

- Căn cứ vào Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 1/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng và phê duyệt việc thành lập và vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia;

- Căn cứ vào Quyết định số 83/QĐ-BNN-TCLN ngày 12/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng giai đoạn 2016-2020;

- Căn cứ Quyết định số 3454/QĐ-BNN-TCLN ngày 22 tháng 8 năm 2017 về việc Thành lập Tổ biên soạn xây dựng Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và Bộ tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm gỗ;

- Căn cứ vào Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 về Quy định về Quản lý rừng bền vững;

- Căn cứ vào các yêu cầu của Chương trình Chứng nhận Chứng chỉ rừng (PEFC ST 1001: 2017 và PEFC ST 1003: 2010);

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Bộ tiêu chuẩn này cung cấp các yêu cầu tự nguyện cho các Chủ rừng thực hiện hoạt động quản lý rừng tự nhiên và rừng trồng xin cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia.

Bộ tiêu chuẩn cũng là cơ sở để các Tổ chức cấp chứng chỉ sử dụng để đánh giá và cấp chứng chỉ QLRBV theo Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia.

IV. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Định nghĩa	Nguồn
An toàn lao động	Là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.	Luật an toàn, vệ sinh lao động, 2015
Bãi gỗ (bãi gom)	Là nơi tập trung gỗ trong khu khai thác	Thông tư Số: 35/2011/TT-BNNPTNT, ngày 20 tháng 5 năm 2011 về Hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ
Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Là bản đồ thể hiện sự phân bố các loại đất tại một thời điểm xác định, được lập theo từng đơn vị hành chính.	Luật Đất đai 2013, số 45/2013/QH13
Bảo tồn đa dạng sinh học	Là việc bảo vệ sự phong phú của các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù hoặc đại diện; bảo vệ môi trường sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của loài hoang dã, cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên; nuôi, trồng, chăm sóc loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; lưu giữ và bảo quản lâu dài các mẫu vật di truyền.	Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/QH12
Bên ký kết nước ngoài	Là quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác được công nhận là chủ thể của pháp luật quốc tế.	Luật Điều ước Quốc tế 2016, số 108/2016/QH13

Các bên liên quan	<p>Bất kể các cá nhân hay nhóm người hoặc tổ chức nào có thể chịu những ảnh hưởng của các hoạt động từ chủ rừng. Có thể gồm cả các đối tượng sống ở dưới hạ lưu, các cá nhân, nhóm người hoặc thực thể nằm lân cận với chủ rừng. Sau đây là những ví dụ về các bên liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan quản lý nhà nước - Chính quyền địa phương - Cộng đồng dân cư và người dân địa phương sống trong rừng và gần rừng - Người lao động - Cộng đồng dân cư và người dân địa phương sống ở vùng hạ lưu - Doanh nghiệp trên địa bàn - Tổ chức chính trị - xã hội - Tổ chức xã hội - Tổ chức xã hội - nghề nghiệp - Tổ chức phi chính phủ - Chuyên gia độc lập 	
Cây biến đổi gen (Sinh vật biến đổi gen)	Là sinh vật có cấu trúc di truyền bị thay đổi bằng công nghệ chuyển gen	Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/QH12
Chất thải nguy hại	Là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.	Luật bảo vệ môi trường 2014, Số: 55/2014/QH13
Chất thải rắn	Là chất thải ở thể rắn hoặc sệt (còn gọi là bùn thải) được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác; Chất thải	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định

	<p>rắn bao gồm chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại; Chất thải rắn phát thải trong sinh hoạt cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng được gọi chung là chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn phát thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp, làng nghề, kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác được gọi chung là chất thải rắn công nghiệp.</p>	<p>số 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn</p>
Chủ rừng	<p>Là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng; nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng theo quy định của pháp luật; các tổ chức, cá nhân liên kết sản xuất, thuê lại rừng, đất rừng từ chủ rừng được giao đất, cho thuê đất hợp pháp, hoặc có giấy xác nhận của chính quyền địa phương cấp xã về sử dụng đất không có tranh chấp</p>	<p>Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14; FLEGT</p>
Chứng chỉ quản lý rừng bền vững	<p>Là văn bản công nhận một diện tích rừng nhất định đáp ứng các tiêu chí về quản lý rừng bền vững.</p>	<p>Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14;</p>
Cộng đồng dân cư	<p>Cộng đồng dân cư gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân cư tương tự có cùng phong tục, tập quán hoặc có chung dòng họ</p>	<p>Luật Đất đai, số 45/2013/QH13, ngày 19/11/2013; Luật bảo vệ phát triển rừng 2004, số 29/2004/QH11, ngày 03/12/2004</p>

Công trình hạ tầng kỹ thuật	Bao gồm các công trình giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, viễn thông, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang.	Thông tư 01/2016/TT-BXD (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật)
Công trình lâm sinh	Là công trình xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn, được tạo thành từ việc triển khai thực hiện các hoạt động đầu tư lâm sinh theo thiết kế, dự toán, gồm: Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung cây lâm nghiệp; cải tạo rừng và các hoạt động liên quan khác.	Thông tư số 23/2016//TT-BNNPTNT, ngày 30/6/2016 về hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh
Đánh giá tác động môi trường	Là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.	Luật bảo vệ môi trường 2014, số 55/2014/QH13
Đất ngập nước	Các vùng đầm lầy, than bùn hoặc vùng nước tự nhiên hay nhân tạo, có nước thường xuyên hay tạm thời, nước đứng hay nước chảy, nước ngọt, nước lợ hay nước mặn, kể cả các vùng nước ven biển có độ sâu không quá 6m khi thủy triều thấp đều là các vùng đất ngập nước	Công ước Ramsar, 1971; Điều 1.1.
Dịch vụ môi trường rừng	Là hoạt động cung ứng các giá trị sử dụng của môi trường rừng	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14;
Điều ước quốc tế	Là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính	Luật Điều ước Quốc tế 2016

	phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với bên ký kết nước ngoài, làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo pháp luật quốc tế, không phụ thuộc vào tên gọi là hiệp ước, công ước, hiệp định, định ước, thỏa thuận, nghị định thư, bản ghi nhớ, công hàm trao đổi hoặc văn kiện có tên gọi khác.	
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.	Luật Đất đai, số 45/2013/QH13, ngày 19/11/2013
Giống cây trồng biến đổi gen	Là giống cây trồng có cấu trúc gen bị thay đổi do công nghệ chuyển gen tạo ra được sử dụng cho mục đích làm giống cây trồng	Thông tư 69/2009/TT-BNNPTNT
Gỗ hợp pháp	Là gỗ, sản phẩm gỗ được khai thác, mua bán, sản xuất phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14
Hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp	Bao gồm các hành vi: 1. Chặt, phá, khai thác, lẩn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật. 2. Đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; chặn, dắt, thả gia súc,	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14

	<p>vật nuôi vào phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, rừng mới trồng.</p> <p>3. Săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật.</p> <p>4. Hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng.</p> <p>5. Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; quản lý các loài ngoại lai xâm hại; dịch vụ môi trường rừng.</p> <p>6. Tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chế biến, quảng cáo, trưng bày, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh lâm sản trái quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>7. Khai thác tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên khoáng sản, môi trường rừng trái quy định của pháp luật; xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác trái quy định của pháp luật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng.</p> <p>8. Giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục</p>	
--	---	--

	<p>đích sử dụng rừng trái quy định của pháp luật; cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái quy định của pháp luật; chuyển đổi diện tích rừng, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng trái quy định của pháp luật; phân biệt đối xử về tôn giáo, tín ngưỡng và giới trong giao rừng, cho thuê rừng.</p> <p>9. Sử dụng nguyên liệu trong chế biến lâm sản trái quy định của pháp luật.</p>	
Hệ sinh thái	Là quần xã sinh vật và các yếu tố phi sinh vật của một khu vực địa lý nhất định, có tác động qua lại và trao đổi vật chất với nhau	Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/QH12
Hóa chất	Là đơn chất, hợp chất, hỗn hợp chất được con người khai thác hoặc tạo ra từ nguồn nguyên liệu tự nhiên, nguyên liệu nhân tạo.	Luật hóa chất 2007
Hoạt động lâm nghiệp	Gồm một hoặc nhiều hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, chế biến và thương mại lâm sản	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14
Hợp đồng lao động	Là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả lương, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.	Bộ luật Lao động, 2012, số 10/2012/QH13
Khu bảo tồn	Là khu vực địa lý được xác lập ranh giới và phân khu chức năng để bảo tồn đa dạng sinh học.	Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/QH12

Lâm sản	Là sản phẩm khai thác từ rừng bao gồm thực vật rừng, động vật rừng và các sinh vật rừng khác gồm cả gỗ, lâm sản ngoài gỗ, sản phẩm gỗ, song, mây, tre, nứa đã chế biến	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14
Lâm sản ngoài gỗ	Bao gồm những sản phẩm có nguồn gốc sinh vật, khác gỗ, được khai thác từ rừng, đất có cây rừng và cây ở ngoài rừng	FAO, 1999
Lập địa	Là nơi sống của một loài hay một tập hợp loài cây dưới ảnh hưởng của tất cả các yếu tố ngoại cảnh tác động lên chúng, bao gồm khí hậu, địa hình, thổ nhưỡng và động, thực vật.	Sổ tay hướng dẫn thực hiện quản lý rừng bền vững (Tổng cục Lâm nghiệp, 2018)
Lệ phí	Là khoản tiền được ấn định mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được quy định trong Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật này.	Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015
Loài bản địa	Loài, phân loài hoặc đơn vị phân loại thấp hơn, xuất hiện trong tự nhiên của nó (quá khứ hoặc hiện tại) và có tiềm năng phát tán (có nghĩa là, trong phạm vi đó, tồn tại tự nhiên hoặc có tồn tại mà không cần con người chăm sóc hay đưa vào trồng một cách trực tiếp hay gián tiếp)	Công ước Đa dạng Sinh học (CBD, 1992)
Loài đặc hữu	Là loài sinh vật chỉ tồn tại, phát triển trong phạm vi phân bố hẹp và giới hạn trong một vùng lãnh thổ nhất định của	Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/QH12

	Việt Nam mà không được ghi nhận là có ở nơi khác trên thế giới.	
Loài hoang dã	Là loài động vật, thực vật, vi sinh vật và nấm sinh sống và phát triển theo quy luật	Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/QH12
Loài ngoại lai	Là loài sinh vật xuất hiện và phát triển ở khu vực vốn không phải là môi trường sống tự nhiên của chúng	Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/QH12
Loài ngoại lai xâm hại	Là loài ngoại lai lấn chiếm nơi sinh sống hoặc gây hại đối với các loài sinh vật bản địa, làm mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng xuất hiện và phát triển	Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/QH12
Loài nguy cấp, quý, hiếm	Là loài hoang dã, giống cây trồng, giống vật nuôi, vi sinh vật và nấm đặc hữu, có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường hoặc văn hóa-lịch sử mà số lượng còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng.	Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/QH12
Môi trường rừng	Bao gồm các hợp phần của hệ sinh thái rừng: thực vật, động vật, vi sinh vật, nước, đất, không khí, cảnh quan thiên nhiên. Môi trường rừng có các giá trị sử dụng đối với nhu cầu của xã hội và con người, gọi là giá trị sử dụng của môi trường rừng, gồm: bảo vệ đất, điều tiết nguồn nước, phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ ven biển, phòng chống thiên tai, đa dạng sinh học, hấp thụ và lưu giữ các bon, du lịch, nơi cư trú và sinh sản của các loài sinh vật, gỗ và lâm sản khác.	Nghị định 99/2010/NĐ-CP, nghị định về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

Người lao động	Là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động.	Bộ luật Lao động, 2012, số 10/2012/QH13
Người sử dụng lao động	Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động; nếu là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.	Bộ luật Lao động, 2012, số 10/2012/QH13
Nguồn gen	Nguồn gen bao gồm các loài sinh vật, các mẫu vật di truyền trong khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và trong tự nhiên.	Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/QH12
Phân bón hóa học (còn gọi là phân bón vô cơ)	Gồm các loại phân bón được sản xuất từ nguyên liệu chính là các chất vô cơ hoặc hữu cơ tổng hợp, được xử lý qua quá trình hóa học hoặc chế biến khoáng sản;	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP về quản lý phân bón
Phân bón hữu cơ	Gồm các loại phân bón được sản xuất từ nguyên liệu chính là các chất hữu cơ tự nhiên (không bao gồm các chất hữu cơ tổng hợp), được xử lý thông qua quá trình vật lý (làm khô, nghiền, sàng, phối trộn, làm ẩm) hoặc sinh học (ủ, lên men, chiết);	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP về quản lý phân bón
Phân bón sinh học	Gồm các loại phân bón được sản xuất thông qua quá trình sinh học hoặc có nguồn gốc tự nhiên, trong thành phần có chứa một hoặc nhiều chất sinh học	Nghị định số 108/2017/NĐ-CP về quản lý phân bón

	như axit humic, axit fulvic, axit amin, vitamin hoặc các chất sinh học khác.	
Phí	Là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này.	Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015
Phong tục	Là những thói quen trong ứng xử của cộng đồng hay những quy tắc xử sự chung được hình thành một cách tự phát trong một cộng đồng dân cư, được lưu truyền chủ yếu theo phương thức truyền miệng, được bảo đảm thực hiện bằng thói quen, bằng sức thuyết phục của chúng, bằng dư luận xã hội và bằng cả biện pháp cưỡng chế phi nhà nước	
Quản lý chất thải	Là quá trình phòng ngừa, giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải	Luật số bảo vệ môi trường 2014, số 55/2014/QH13
Quản lý lập địa rừng trồng	Là toàn bộ những hoạt động lâm sinh trong quản lý rừng trồng nhằm duy trì các yếu tố cấu thành lập địa, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đảm bảo duy trì ổn định năng suất sản xuất của lập địa. Trong giới hạn các hoạt động quản lý rừng trồng, quản lý lập địa được hiểu là quản lý độ phì đất, bao gồm tổng hợp các biện pháp kỹ thuật	Nambiar và Brown, 1997; Sổ tay hướng dẫn thực hiện quản lý rừng bền vững (Tổng cục Lâm nghiệp, 2018)

	về xử lý thực bì trước khi trồng rừng, quản lý vật liệu hữu cơ sau khai thác, kỹ thuật làm đất, chăm sóc và quản lý nguồn dinh dưỡng trong đất đáp ứng nhu cầu của cây rừng, nhằm duy trì và cải thiện độ phì đất và năng suất rừng trồng qua nhiều chu kỳ kinh doanh	
Quản lý rừng bền vững	Là phương thức quản trị rừng đảm bảo đạt được các mục tiêu bảo vệ, phát triển rừng, không làm suy giảm các giá trị và nâng cao giá trị rừng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14
Quyền theo phong tục	Là những quyền được hình thành theo truyền thống thói quen hay phong tục lâu đời, liên tục được lặp lại và đã trở thành luật lệ trong phạm vi một đơn vị địa lý hay xã hội	
Quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng	Bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt của chủ rừng đối với cây trồng, vật nuôi và tài sản khác gắn liền với rừng do chủ rừng đầu tư trong thời hạn được giao, được thuê để trồng rừng.	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14
Quyền sử dụng rừng	Là quyền của chủ rừng được khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ rừng.	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14
Rừng	Là một hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre, nứa, cây họ cau có chiều	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14

	cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát hoặc hệ thực vật đặc trưng khác; diện tích liên vùng từ 0,3 ha trở lên; độ tàn che từ 0,1 trở lên.	
Rừng đặc dụng	<p>Được sử dụng chủ yếu để bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; cung ứng dịch vụ môi trường rừng bao gồm:</p> <p>a) Vườn quốc gia;</p> <p>b) Khu dự trữ thiên nhiên;</p> <p>c) Khu bảo tồn loài - sinh cảnh;</p> <p>d) Khu bảo vệ cảnh quan bao gồm rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; rừng tín ngưỡng; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao;</p> <p>đ) Khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; vườn thực vật quốc gia; rừng giống quốc gia</p>	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14
Rừng phòng hộ	Được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14

	<p>ứng dịch vụ môi trường rừng; được phân theo mức độ xung yếu bao gồm:</p> <p>a) Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; rừng phòng hộ biên giới;</p> <p>b) Rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển</p>	
Rừng sản xuất	Được sử dụng chủ yếu để cung cấp lâm sản; sản xuất, kinh doanh lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14
Rừng trồng	Là rừng được hình thành do con người trồng mới trên đất chưa có rừng; cải tạo rừng tự nhiên; trồng lại hoặc tái sinh sau khai thác rừng trồng	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14
Rừng trồng hỗn loài	Là rừng trồng có nhiều hơn một loài cây trồng xen với nhau trên một đơn vị diện tích.	
Rừng tự nhiên	Là rừng có sẵn trong tự nhiên hoặc phục hồi bằng tái sinh tự nhiên hoặc tái sinh có trồng bổ sung	Luật Lâm nghiệp 2017, số 16/2017/QH14
Sản phẩm thải lỏng	Là sản phẩm, dung dịch, vật liệu ở trạng thái lỏng đã hết hạn sử dụng hoặc được thải ra từ quá trình sử dụng, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác. Trường hợp sản phẩm thải lỏng được thải cùng nước thải thì gọi chung là nước thải.	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu

Sinh cảnh	Là một cảnh quan địa lý được cấu thành bởi các hệ sinh thái tương tác hình thành do ảnh hưởng của những tương tác địa chất, địa hình, đất, khí hậu, sinh học và con người trong một khu vực	IUCN
Sinh kế	Là hoạt động kiếm sống của con người thông qua việc sử dụng các nguồn lực (con người, tự nhiên, vật chất, tài chính, xã hội...) trong một môi trường dễ bị tổn thương có sự quản lý của các tổ chức, định chế, chính sách.	Bộ Phát triển quốc tế Anh (DFIT, 1999)
Sinh vật biến đổi gen	Là sinh vật có cấu trúc di truyền bị thay đổi bằng công nghệ chuyển gen	Luật Đa dạng sinh học năm 2008
Tài liệu lưu trữ	Tài liệu lưu trữ là tài liệu có giá trị phục vụ hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử được lựa chọn để lưu trữ. Tài liệu lưu trữ bao gồm bản gốc, bản chính; trong trường hợp không còn bản gốc, bản chính thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp.	Luật Lưu trữ 2011
Tập quán	Tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong quan hệ dân sự cụ thể, được hình thành và lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc, cộng đồng dân cư hoặc trong một lĩnh vực dân sự; Trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định thì có thể áp dụng tập	Bộ luật dân sự, số: 91/2015/QH13

	quán nhưng tập quán áp dụng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này.	
Tín ngưỡng	Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, số 02/2016/QH14
Tôn giáo	Tôn giáo là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức.	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, số 02/2016/QH14
Tranh chấp đất đai	Là tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai.	Luật đất đai 2013
Tri thức bản địa (kiến thức bản địa)	Là tri thức địa phương, là nền tảng cơ bản cho việc thiết lập các quyết định liên quan đến địa phương trên mọi lĩnh vực của cuộc sống đương đại bao gồm quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, dinh dưỡng, thức ăn, y tế, giáo dục và trong các hoạt động xã hội và cộng đồng. Tri thức bản địa còn có cung cấp các chiến lược nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra cho cộng đồng dân cư địa phương	World Bank, 1998. Indigenous knowledge for development: a framework for action
Vệ sinh lao động	Là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.	Luật an toàn, vệ sinh lao động, 2015

V. CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

Tiêu chí	Chỉ số
Nguyên tắc 1. Chủ rừng tuân thủ các quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia	
1.1. Chủ rừng thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền sử dụng đất và rừng	1.1.1. Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, giao rừng hoặc hợp đồng thuê đất, thuê rừng hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
	1.1.2. Trường hợp đất và rừng được sử dụng theo quyền phong tục/truyền thống, phải có xác nhận bằng văn bản của chính quyền địa phương về không có tranh chấp;
	1.1.3. Ranh giới đất và rừng phải được xác định rõ trên bản đồ và trên thực địa.
1.2. Chủ rừng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp	1.2.1. Thực hiện đầy đủ các quy định về chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc ngành nghề sản xuất, kinh doanh đã đăng ký (không áp dụng với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư);
	1.2.2. Lưu trữ, cập nhật hồ sơ, chứng từ liên quan đến hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, dịch vụ của chủ rừng;
	1.2.3. Trường hợp chưa trả hết các khoản phải nộp thì chủ rừng phải có kế hoạch hoàn trả và được cơ quan chức năng xác nhận.
1.3. Chủ rừng thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về quản lý rừng bền vững và nguồn gốc gỗ hợp pháp	1.3.1. Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững (QLRBV) theo quy định
	1.3.2. Có biện pháp ngăn chặn các hành vi bị cấm trong hoạt động lâm nghiệp;
	1.3.3. Thực hiện việc kiểm tra, phát hiện các hoạt động trái phép trên diện tích đang quản lý;

	1.3.4. Lưu trữ hồ sơ và báo cáo đối với những vi phạm pháp luật đã được xử lý trong tối thiểu 5 năm gần nhất;
	1.3.5. Phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để xác định, kiểm soát và ngăn chặn các hoạt động trái phép;
	1.3.6. Tuân thủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục khai thác và quản lý lâm sản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
1.4. Chủ rừng đáp ứng những yêu cầu trong các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia	1.4.1. Hiểu và thực hiện các quy định trong các điều ước quốc tế: các công ước cơ bản của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Công ước đa dạng sinh học 1992 (CBD), Công ước về các chất ô nhiễm hữu cơ khi phân hủy POP 2001 (Công ước Stockholm), Công ước buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES)
Nguyên tắc 2. Chủ rừng tôn trọng quyền của cộng đồng dân cư và người dân địa phương	
2.1. Chủ rừng đảm bảo quyền sử dụng đất và rừng hợp pháp hoặc theo phong tục, truyền thống của cộng đồng dân cư và người dân địa phương	2.1.1. Tôn trọng quyền quản lý, sử dụng đất và rừng thuộc quyền sử dụng hợp pháp hoặc quyền theo phong tục/truyền thống của cộng đồng dân cư và người dân địa phương; Cùng cộng đồng dân cư, người dân địa phương và các bên liên quan khác xác định những khu vực có liên quan đến hoạt động sinh kế theo tập quán của họ như thu hái lâm sản ngoài gỗ, cung cấp nguồn nước sản xuất, sinh hoạt... trên bản đồ, ngoài thực địa, có kế hoạch quản lý được đưa vào phương án quản lý rừng bền vững;
	2.1.2. Việc phân định ranh giới đất và rừng giữa cộng đồng dân cư, người dân địa phương với chủ rừng phải được thống nhất giữa các bên;
	2.1.3. Tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương thực hiện các hoạt động hợp pháp trên đất và rừng của họ mà liên quan đến diện tích chủ rừng đang quản lý.

2.2. Chủ rừng có trách nhiệm giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu, sử dụng rừng và đất rừng theo quy định của pháp luật	2.2.1. Phải có cơ chế và biện pháp phù hợp để giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất và rừng (không áp dụng với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư);
	2.2.2. Lưu trữ hồ sơ các vụ tranh chấp đã được giải quyết trong tối thiểu 5 năm gần nhất;
2.3. Chủ rừng tạo cơ hội việc làm và cải thiện sinh kế cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương	2.3.1. Ưu tiên cộng đồng dân cư và người dân địa phương tham gia vào các hoạt động lâm nghiệp và cải thiện sinh kế.
2.4. Chủ rừng cần đáp ứng nhu cầu cơ bản về văn hóa, tín ngưỡng và giải trí của cộng đồng dân cư và người dân địa phương liên quan đến đất và rừng mà chủ rừng đang quản lý theo quy định của pháp luật	2.4.1. Cùng cộng đồng dân cư, người dân địa phương và các bên liên quan khác xác định những khu rừng có ý nghĩa về văn hóa, tín ngưỡng và giải trí trên bản đồ, ngoài thực địa, có kế hoạch quản lý được đưa vào phương án quản lý rừng bền vững;
	2.4.2. Có quy định quản lý, bảo vệ và sử dụng những khu rừng đã được xác định có ý nghĩa về văn hóa, tín ngưỡng và giải trí với sự tham vấn ý kiến của cộng đồng dân cư, người dân địa phương và các bên liên quan.
2.5. Chủ rừng thực hiện các quy định của pháp luật về khiếu nại và giải quyết đền bù khi hoạt động lâm nghiệp ảnh hưởng tiêu cực đến tài sản (đất, rừng và tài sản khác), sinh kế và sức khỏe của	2.5.1. Xác định các tác động tiêu cực có thể xảy ra của từng hoạt động lâm nghiệp đến đất, rừng và đời sống của cộng đồng dân cư và người dân địa phương để có giải pháp phòng ngừa;
	2.5.2. Phải có biện pháp phòng ngừa thiệt hại cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương khi thực hiện các hoạt động lâm nghiệp;
	2.5.3. Có cơ chế và biện pháp giải quyết khiếu nại và đền bù thiệt hại cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương theo quy định của pháp luật;

cộng đồng dân cư và người dân địa phương	2.5.4. Thực hiện bồi thường các thiệt hại cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận;
	2.5.5. Có trách nhiệm bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật cho địa phương khi sử dụng cho các hoạt động lâm nghiệp hoặc hỗ trợ phát triển khi có điều kiện;
	2.5.6. Lưu trữ hồ sơ đã giải quyết những khiếu nại, đền bù tối thiểu 5 năm gần nhất.
Nguyên tắc 3. Chủ rừng đảm bảo quyền và điều kiện làm việc của người lao động	
3.1. Chủ rừng đảm bảo công bằng, quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật	3.1.1. Có hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng lao động và thực hiện đúng thỏa thuận với người lao động hoặc đại diện của họ về tiền lương, tiền công, phúc lợi xã hội khác đã được thể hiện trong hợp đồng lao động theo quy định;
	3.1.2. Tuân thủ pháp luật và các quy định của pháp luật về sử dụng lao động vị thành niên, người khuyết tật và người quá tuổi lao động;
	3.1.3. Không tham gia hoặc hỗ trợ việc sử dụng lao động cưỡng bức;
	3.1.4. Thực hiện bình đẳng giới trong tuyển dụng, đào tạo và trả tiền lương.
3.2. Chủ rừng bảo đảm điều kiện làm việc cho người lao động theo quy định của pháp luật	3.2.1. Trang bị và hướng dẫn sử dụng các dụng cụ bảo hộ an toàn lao động cho người lao động phù hợp với điều kiện làm việc theo quy định;
	3.2.2. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản các loại vật tư, trang thiết bị dễ gây tai nạn;
	3.2.3. Hướng dẫn sử dụng hóa chất đảm bảo an toàn cho sức khỏe của người lao động theo quy định;

	3.2.4. Người lao động, kể cả của nhà thầu phải được tập huấn an toàn lao động theo quy định.
3.3. Chủ rừng tôn trọng quyền tham gia tổ chức Công đoàn và các quyền thỏa thuận khác giữa người lao động và người sử dụng lao động theo quy định	3.3.1. Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia tổ chức Công đoàn (không áp dụng với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư);
	3.3.2. Xây dựng và thực hiện đầy đủ các quy định về dân chủ ở cơ sở, lấy ý kiến của người lao động về những vấn đề liên quan đến đời sống và việc làm của người lao động.
3.4. Chủ rừng phải có và duy trì các cơ chế giải quyết khiếu nại và thực hiện bồi thường cho người lao động khi xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại về tài sản và sức khỏe trong khi làm việc cho chủ rừng	3.4.1. Phải có cơ chế và biện pháp để giải quyết khiếu nại và đền bù những tổn thất, thiệt hại về tài sản và sức khỏe cho người lao động theo quy định pháp luật hoặc thỏa thuận giữa các bên;
	3.4.2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa thiệt hại và tổn thất về tài sản và sức khỏe cho người lao động khi thực hiện các hoạt động lâm nghiệp;
	3.4.3. Bồi thường thiệt hại về tài sản và sức khỏe cho người lao động theo quy định pháp luật hoặc thỏa thuận giữa các bên;
	3.4.4. Lưu trữ các hồ sơ đã giải quyết khiếu nại, đền bù của chủ rừng tối thiểu 5 năm gần nhất.
Nguyên tắc 4. Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng	
4.1. Các hoạt động lâm nghiệp phải được thực hiện theo đúng phương án quản lý rừng bền vững	4.1.1. Các hoạt động lâm nghiệp được thực hiện theo phương án quản lý rừng bền vững và kế hoạch hoạt động hàng năm;
	4.1.2. Nếu phải điều chỉnh hoạt động lâm nghiệp trong kế hoạch hàng năm phải đảm bảo mục tiêu quản lý rừng bền vững;
	4.1.3. Việc điều chỉnh kế hoạch quản lý rừng bền vững phải được lưu trữ trong hồ sơ quản lý tối thiểu trong 5 năm gần nhất.
	4.2.1. Khảo nghiệm và công nhận giống mới phải tuân thủ quy định của pháp luật;

4.2. Sản xuất và sử dụng giống cây trồng theo quy định	4.2.2. Sản xuất giống phải tuân thủ các quy định về điều kiện sản xuất kinh doanh giống, nguồn gốc, xuất xứ giống và quy trình kỹ thuật sản xuất giống;
	4.2.3. Sử dụng giống đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và nguồn gốc giống theo quy định của pháp luật;
	4.2.4. Khuyến khích sử dụng giống trong danh mục giống được phép sản xuất kinh doanh;
	4.2.5. Tuân thủ các quy định về xuất khẩu và nhập khẩu giống.
4.3. Chủ rừng áp dụng các biện pháp lâm sinh phù hợp với mục tiêu trong phương án quản lý rừng bền vững	4.3.1. Chọn loài cây trồng phải phù hợp điều kiện lập địa và mục tiêu quản lý rừng bền vững;
	4.3.2. Các biện pháp lâm sinh áp dụng phải phù hợp với đặc điểm loài cây trồng và điều kiện lập địa;
	4.3.3. Áp dụng kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác và trồng lại rừng phù hợp với từng loài cây trồng;
	4.3.4. Áp dụng các biện pháp quản lý lập địa phù hợp trong quản lý rừng trồng;
	4.3.5. Áp dụng kỹ thuật khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, làm giàu rừng, nuôi dưỡng và khai thác rừng tự nhiên phù hợp với từng trạng thái rừng.
4.4. Chủ rừng nên đa dạng các hoạt động quản lý, sản xuất và kinh doanh nhằm nâng cao các lợi ích của rừng	4.4.1. Thực hiện đa dạng các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh dựa trên khảo sát, cập nhật thông tin thị trường về các sản phẩm từ rừng như gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ môi trường rừng;
	4.4.2. Đa dạng hóa các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng;
	4.4.3. Khuyến khích phát triển các loài cây bản địa, đa mục đích và lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao;

	4.4.4. Có hoạt động quảng bá giới thiệu sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ môi trường rừng.
4.5. Chủ rừng phải có biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại rừng	4.5.1. Tuân thủ các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh gây hại rừng theo quy định của pháp luật;
	4.5.2. Có kế hoạch và thực hiện các biện pháp quản lý và phòng trừ sâu, bệnh hại tổng hợp dựa trên các biện pháp lâm sinh, sinh học và hóa học; khuyến khích áp dụng biện pháp quản lý sinh học thân thiện môi trường;
	4.5.3. Thông báo với cơ quan chức năng khi phát hiện hiện tượng lây lan sâu, bệnh gây hại để phối hợp xử lý.
4.6. Chủ rừng phải thực hiện biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng	4.6.1. Có phương án và thực hiện kiểm soát phòng cháy và chữa cháy rừng;
	4.6.2. Có và duy trì hệ thống phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định;
	4.6.3. Thông báo với cơ quan chức năng khi xảy ra cháy rừng để phối hợp xử lý;
	4.6.4. Có hoạt động nâng cao năng lực của người lao động và nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư và người dân địa phương trong việc phòng cháy, chữa cháy rừng;
	4.6.5. Lưu trữ hồ sơ về các vụ cháy rừng tối thiểu trong 5 năm gần nhất.
4.7. Khai thác hợp lý các sản phẩm từ rừng để duy trì tài nguyên rừng được ổn định lâu dài	4.7.1. Sản lượng khai thác lâm sản hàng năm không được vượt quá mức tăng trưởng của rừng và được xác định trong phương án quản lý rừng bền vững.

4.8. Xây dựng và bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp với mục tiêu quản lý và hạn chế ảnh hưởng môi trường	4.8.1. Có kế hoạch xây dựng và bảo trì đường, cầu, cống, đường vận xuất, đường trượt gỗ và bãi gỗ theo quy định; các công trình được thể hiện trên bản đồ;
	4.8.2. Việc xây dựng và bảo trì đường, cầu cống, đường vận xuất, đường trượt gỗ và bãi gỗ đảm bảo không gây tác động tiêu cực tới môi trường.
Nguyên tắc 5. Quản lý và bảo vệ môi trường trong các hoạt động lâm nghiệp	
5.1. Chủ rừng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường của các hoạt động lâm nghiệp theo quy định của pháp luật	5.1.1. Đánh giá và phân tích các tác động tiêu cực có thể xảy ra đối với môi trường của tất cả các hoạt động lâm nghiệp.
	5.1.2. Có kế hoạch và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trước khi thực hiện hoạt động lâm nghiệp.
5.2. Chủ rừng phải thực hiện các biện pháp bảo vệ đất và nguồn nước trong các hoạt động lâm nghiệp	5.2.1. Xác định các khu vực có chức năng bảo vệ đất và nguồn nước, như vùng đệm ven sông suối, ao hồ, vùng đất ngập nước, nơi có độ dốc cao và khu vực sản xuất nông nghiệp trên thực địa và bản đồ;
	5.2.2. Có kế hoạch và biện pháp bảo vệ, phục hồi thảm thực vật tại các khu vực có chức năng bảo vệ đất và nguồn nước đã được xác định;
	5.2.3. Xác định các tác động tiêu cực có thể xảy ra tới đất và nguồn nước khi thực hiện các hoạt động lâm nghiệp;
	5.2.4. Có kế hoạch và thực hiện các biện pháp khắc phục tác động tiêu cực tới đất và nguồn nước;
	5.2.5. Ưu tiên trồng và phục hồi rừng trên đất trống, đất dễ bị xói mòn thông qua kỹ thuật bảo vệ đất phù hợp.
5.3. Chủ rừng phải quản lý và sử dụng hóa chất và phân bón hóa	5.3.1. Chỉ sử dụng những hóa chất có thành phần được phép sử dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế;

học đảm bảo an toàn đối với môi trường và con người	5.3.2. Cát giữ hóa chất, nguyên vật liệu, nhiên liệu ở nơi an toàn đối với môi trường và con người;
	5.3.3. Hướng dẫn sử dụng hóa chất đảm bảo an toàn cho môi trường và con người theo quy định của pháp luật;
	5.3.4. Lưu trữ và cập nhật danh mục các hóa chất (thuốc diệt cỏ, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích ra rễ, chất điều hòa sinh trưởng, chất bảo quản...) bị cấm sử dụng bởi pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế;
	5.3.5. Ghi chép, lưu trữ thông tin về chủng loại, liều lượng, thời gian và địa điểm sử dụng hóa chất và phân bón hóa học.
	5.3.6. Hạn chế sử dụng phân bón hóa học; khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ và sinh học để tăng độ phì của đất.
5.4. Chủ rừng phải quản lý chất thải nguy hại đảm bảo an toàn đối với môi trường và con người	5.4.1. Hạn chế chất thải nguy hại tạo ra từ các hoạt động lâm nghiệp;
	5.4.2. Quản lý, thu gom bao bì và chất thải nguy hại sau khi sử dụng về nơi an toàn đối với môi trường và con người theo quy định của pháp luật;
	5.4.3. Xử lý bao bì và chất thải nguy hại đúng quy định.
Nguyên tắc 6. Duy trì, bảo tồn và nâng cao đa dạng sinh học	
6.1. Chủ rừng phải xác định các khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái, khu rừng có giá trị bảo tồn cao cần được bảo vệ hoặc bảo tồn	<p>6.1.1. Điều tra, lập bản đồ, xây dựng cơ sở dữ liệu và tham vấn các bên liên quan các khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái, bao gồm:</p> <p>a) Hệ sinh thái rừng quý, hiếm, dễ bị tổn thương hoặc hệ sinh thái đặc trưng như các vùng cửa sông, ven biển, vùng đất ngập nước khác, núi đá;</p> <p>b) Khu vực có các loài đặc hữu và môi trường sống của các loài bị đe dọa theo quy định;</p> <p>c) Các nguồn gen tại chỗ đang bị nguy cấp và cần được bảo vệ;</p>

	d) Các khu vực cảnh quan có tầm quan trọng trên thế giới, trong khu vực và quốc gia đã được xác định hoặc khu rừng có giá trị bảo tồn cao.
	6.1.2. Lập kế hoạch bảo vệ hoặc bảo tồn các khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái, khu rừng có giá trị bảo tồn cao được nêu trong phương án quản lý rừng bền vững;
	6.1.3. Có kế hoạch giám sát đánh giá việc thực hiện bảo vệ hoặc bảo tồn các khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái, khu rừng có giá trị bảo tồn cao;
	6.1.4. Cập nhật, điều chỉnh kế hoạch dựa trên kết quả giám sát, đánh giá.
6.2. Chủ rừng phải có biện pháp bảo vệ các loài thực vật rừng, động vật rừng theo quy định của pháp luật	6.2.1. Tham vấn các bên liên quan để lập danh mục, bản đồ phân bố, khoanh vùng sinh cảnh sống trên bản đồ, thu thập thông tin của các loài cần được bảo vệ theo quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế (không áp dụng đối với rừng trồng quản lý bởi chủ rừng nhỏ);
	6.2.2. Công khai và thực hiện các biện pháp bảo vệ các loài đã được xác định và sinh cảnh của chúng;
	6.2.3. Cập nhật và lưu trữ hồ sơ các loài đã xác định;
	6.2.4. Tuân thủ quy định về nuôi, trồng, khai thác, sử dụng, buôn bán động vật, thực vật theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế;
	6.2.5. Kiểm soát các hoạt động săn bắt và khai thác trái phép.
6.3. Chủ rừng phải bảo vệ hoặc bảo tồn các khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái, khu	6.3.1. Có biện pháp và công khai các biện pháp bảo vệ hoặc bảo tồn các khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái;
	6.3.2. Cập nhật và lưu trữ hồ sơ về các khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái;

rừng có giá trị bảo tồn cao	6.3.3. Tuân thủ quy định về bảo vệ hoặc bảo tồn các khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế;
	6.3.4. Nâng cao năng lực cho người lao động có liên quan và nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư và người dân địa phương.
6.4. Chủ rừng phải thực hiện các biện pháp duy trì và nâng cao giá trị sinh thái và đa dạng sinh học của rừng	6.4.1. Áp dụng biện pháp xúc tiến tái sinh tự nhiên và làm giàu rừng đối với rừng tự nhiên; ưu tiên sử dụng các loài cây bản địa trong phục hồi, làm giàu rừng và trồng rừng;
	6.4.2. Ưu tiên trồng rừng hỗn loài để tăng cường đa dạng sinh học và tính bền vững của rừng;
	6.4.3. Không sử dụng cây biến đổi gen trong trồng rừng, trừ trường hợp có đủ dữ liệu khoa học cho thấy những tác động của chúng đối với sức khỏe con người, động vật và môi trường là tương đương hoặc tích cực hơn những cây cải thiện di truyền bằng các phương pháp truyền thống;
	6.4.4. Phải thực hiện các biện pháp cụ thể và thỏa thuận với cộng đồng dân cư và người dân địa phương để giảm thiểu ảnh hưởng của chăn thả gia súc đến tái sinh, sinh trưởng và đa dạng sinh học của rừng;
	6.4.5. Chỉ trồng rừng trên đất trống; đất có rừng tự nhiên phải áp dụng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc trồng làm giàu rừng.
6.5. Chủ rừng phải kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các loài nhập nội để tránh những tác hại cho hệ sinh thái rừng	6.5.1. Không sử dụng các loài nhập nội có tác động tiêu cực tới môi trường và những loài xâm lấn theo quy định;
	6.5.2. Việc nhập nội các loài động vật, thực vật, nguồn gen và vi sinh vật phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền;
	6.5.3. Nơi nuôi trồng các loài nhập nội phải có biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt, tránh xâm lấn ra bên ngoài;

	6.5.4. Lưu trữ hồ sơ về nguồn gốc và việc sử dụng các loài nhập nội.
6.6. Chủ rừng không trực tiếp hoặc gián tiếp chuyển đổi đất có rừng tự nhiên và những diện tích rừng có tầm quan trọng về sinh thái, khu rừng có giá trị bảo tồn cao thành rừng trồng hoặc vào mục đích sử dụng khác	6.6.1. Không trực tiếp hoặc gián tiếp chuyển đổi rừng tự nhiên và những diện tích rừng có tầm quan trọng về sinh thái (kể cả trên đất không có rừng) sang các mục đích sử dụng đất khác, trừ những trường hợp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;
	6.6.2. Lưu trữ tài liệu mô tả và đánh giá giá trị bảo tồn của những diện tích chuyển đổi (nếu có).
Nguyên tắc 7. Rừng được theo dõi, giám sát, đánh giá theo phương án quản lý rừng bền vững	
7.1. Xây dựng kế hoạch giám sát và đánh giá	7.1.1. Xác định chỉ số giám sát, đánh giá; xác định tiến độ và nguồn lực thực hiện giám sát, đánh giá hàng năm cho các hoạt động lâm nghiệp;
	7.1.2. Có quy trình, mẫu biểu ghi chép và chỉ số giám sát và đánh giá phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững;
	7.1.3. Có phân công thực hiện việc giám sát, đánh giá và báo cáo.
7.2. Thực hiện kế hoạch giám sát và đánh giá	7.2.1. Có số liệu theo dõi hàng năm các thông số: sản lượng khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ, diễn biến diện tích, sinh trưởng rừng trồng;
	7.2.2. Có số liệu theo dõi định kỳ 5 năm các thông số: sinh trưởng, tái sinh, tổ thành loài của rừng tự nhiên;
	7.2.3. Có số liệu và báo cáo về bảo vệ hoặc bảo tồn các khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái hoặc khu rừng có giá trị bảo tồn cao và các loài cần được bảo vệ;

	7.2.4. Có hoạt động theo dõi tình hình sâu, bệnh hại, xói mòn đất và các hiện tượng bất thường khác;
	7.2.5. Có hoạt động giám sát tác động môi trường và xã hội của các hoạt động lâm nghiệp;
	7.2.6. Có số liệu theo dõi hàng năm chi phí và thu nhập của các hoạt động lâm nghiệp;
	7.2.7. Lập báo cáo và công bố công khai kết quả giám sát và đánh giá thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.
7.3. Xây dựng hệ thống quản lý và lưu trữ hồ sơ quản lý rừng, kinh doanh rừng và hệ thống bản đồ theo dõi diễn biến rừng.	7.3.1. Có hệ thống quản lý hồ sơ tài nguyên rừng, bản đồ hiện trạng rừng;
	7.3.2. Có hệ thống quản lý hồ sơ các hoạt động lâm nghiệp;
	7.3.3. Có hệ thống quản lý hồ sơ lâm sản từ khâu khai thác, vận chuyển, chế biến (nếu có) và bán sản phẩm để đảm bảo có thể truy xuất nguồn gốc lâm sản.